

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SONA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SONA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONA VIETNAM TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SONA VIETNAM TRADING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110513149

**3. Ngày thành lập:** 19/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 134 Lê Lợi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982988384

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                        | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                  | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                     | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ hoạt động đấu giá) | 4530     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                  | 4541     |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                | 4542     |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)              | 4543     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                 | 4610     |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                             | 4620     |
| 11. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                     | 4631     |
| 12. | Bán buôn thực phẩm                                                                                 | 4632     |
| 13. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ uống có cồn;<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn.    | 4633     |
| 14. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                              | 4634     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4641        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: -Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>-Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>-Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>-Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>-Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>-Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>-Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;<br>-Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651        |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653        |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Loại trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4659        |
| 21. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4661        |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, inox                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4662        |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4663        |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn cao su<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                              | 4669(Chính) |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>(Loại trừ Hoạt động dịch vụ báo cáo toà án, loại trừ hoạt động đấu giá, Loại trừ dịch vụ lấy lại tài sản)                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 26. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản<br>(Khoản 1 Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản 2014 sửa đổi bởi Điểm a Khoản 2 Điều 75 Luật Đầu tư 2020)<br>Loại trừ: đấu giá bất động sản                                                                                                                                                                                                      | 6810        |
| 27. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7420        |
| 28. | Hoạt động thú y                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7500        |
| 29. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ những loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690        |
| 30. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4711        |
| 31. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4719        |

|     |                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                | 4721 |
| 33. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                 | 4722 |
| 34. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                   | 4723 |
| 35. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4724 |
| 36. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                        | 4730 |
| 37. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ                                 | 4781 |
| 38. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                         | 4782 |
| 39. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                               | 4783 |
| 40. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                              | 4784 |
| 41. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                              | 4785 |
| 42. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động đấu giá)                                               | 4789 |
| 43. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                  | 4791 |
| 44. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)                                             | 4799 |
| 45. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan) | 5210 |
| 46. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                 | 5224 |
| 47. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                          | 5225 |
| 48. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                        | 5510 |
| 49. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                               | 5590 |
| 50. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                 | 5610 |
| 51. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                         | 5621 |
| 52. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                             | 5629 |
| 53. | Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, vũ trường)                                                                | 5630 |
| 54. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4741 |
| 55. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                        | 4742 |
| 56. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4751 |
| 57. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh             | 4752 |
| 58. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                      | 4753 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 59. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 60. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 61. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 62. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 63. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764 |
| 64. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 65. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 66. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                        | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: **HOÀNG THI CHUNG**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 13/01/1952

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025152000168

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Số 38 Nguyễn Viết Xuân, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 38 Nguyễn Viết Xuân, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: **HOÀNG THI CHUNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 13/01/1952

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025152000168

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 38 Nguyễn Viết Xuân, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 38 Nguyễn Viết Xuân, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội